TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v: "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Ông Đỗ T Tuyến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST–DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1972. Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt, ông B xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Cẩm H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: số A, khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: số A, khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh B trình bày:

Bà Nguyễn Thị L là chủ hụi tại địa phương, bà Đặng Thị Cẩm H và chồng bà là ông Lê Văn T có quan hệ hàng xóm nên vợ chồng bà H có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, cụ thể:

Dây hụi thứ 1: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 25/02/2022 (âm lịch), đến ngày 25/12/2023 (âm lịch) hụi mãn. Hụi có 24 phần, vợ chồng bà H tham gia 03 phần. Vợ chồng bà H hốt phần thứ nhất vào ngày 25/02/2022 (âm lịch), vợ chồng bà H hốt hai phần tiếp theo vào ngày 25/3/2022 (âm lịch). Sau khi hốt hết

cả 03 phần hụi thì vợ chồng bà H có đóng hụi chết cho bà L từ tháng 02/2022 (âm lịch) đến tháng 11/2022 (âm lịch) thì ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi chết mà vợ chồng bà H còn phải đóng cho bà L từ tháng 11/2022 (âm lịch) đến hụi mãn là tháng 12/2023 (âm lịch) là 15 tháng (nhuần 2 tháng 2) x 3.000.000 đồng/tháng x 03 phần = 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 25/02/2022 (âm lịch), đến ngày 25/01/2024 (âm lịch) hụi mãn. Hụi có 25 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần. Bà H đã hốt phần hụi của mình vào tháng 11/2022 (âm lịch). Sau khi hốt hụi xong thì vợ chồng bà H không thực hiện việc đóng hụi chết cho bà L. Số tiền hụi chết mà vợ chồng bà H còn phải đóng cho bà L từ tháng 11/2022 (âm lịch) đến hụi mãn là tháng 01/2024 (âm lịch) là 16 tháng (nhuần 2 tháng 2) x 2.000.000 đồng/tháng x 01 phần = 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

Tổng số tiền nợ hụi của cả hai dây hụi vợ chồng bà H còn nợ bà L là đến khi mãn cả hai dây hụi là 167.000.000 đồng (135.000.000 đồng của dây hụi 3.000.000 đồng và 32.000.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng). Như vậy, tạm tính đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án (tháng 7/2023 âm lịch) thì vợ chồng bà H còn nợ bà L số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quyết định: Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Cẩm H số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng tính đến tháng 07/2023.

Như vậy bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T còn thiếu bà L số tiền 57.000.000 (năm mươi bày triệu) đồng gồm: Hụi 3.000.000 đồng tính đến tháng 8/2023 đến khi mãn hụi tháng 12/2023 là 05 tháng x 3.000.000 đồng/tháng x 03 phần = 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng; hụi 2.000.000 đồng tính từ tháng 8/2023 đến khi mãn hụi tháng 01/2024 là 06 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Bà H, ông T đã trả cho bà L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Hiện tại bà H, ông T còn nợ bà L số tiền 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng. Bà L đã đến nhà gặp bà H, ông T nhiều lần để yêu cầu vợ chồng ông bà trả tiền cho bà L nhưng vợ chồng bà H, ông T vẫn cứ hứa hẹn mà không trả.

Do đó, nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T (là chồng của bà H) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi còn nợ là 37.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông Bo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bị đơn là bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T đều vắng mặt không lý do. Bà H, ông T cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà L. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H, ông T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đặng Thị Cẩm H chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 37.000.000 đồng.

Về lãi suất: ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn là bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T và ông B.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Do quan hệ hàng xóm quen biết nên giữa bà Nguyễn Thị L và bà Đặng Thị Cẩm H có thỏa thuận tham gia các dây hụi do bà L làm chủ. Bà H tham gia với bà L 02 dây hụi, cụ thể là:

Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/02/2022 (âm lịch), hụi có 24 phần, bà H, ông T tham gia 03 phần và đã hốt hết nhưng bà H không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L từ tháng 11/2022 (âm lịch). Như vậy, tính đến hụi mãn (tháng 12/2023 âm lịch) thì bà H còn phải đóng hụi chết 15 tháng với số tiền: 15 tháng x 3.000.000 đồng/tháng x 03 phần = 135.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25/02/2022 (âm lịch), hụi có 25 phần, bà H, ông T tham gia 01 phần và bà H đã hốt hụi vào tháng 11/2022 (âm lịch), sau khi hốt hụi thì bà H, ông T không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L từ tháng 11/2022 (âm lịch). Như vậy, tính đến hụi mãn (tháng 01/2024 âm lịch) thì bà H, ông T còn phải đóng hụi chết 16 tháng với số tiền 16 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 01 phần = 32.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hụi của cả hai dây hụi vợ chồng bà H còn nợ bà L là đến khi mãn cả hai dây hụi là 167.000.000 đồng (135.000.000 đồng của dây hụi 3.000.000 đồng và 32.000.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng).

Tài liệu, chứng cứ mà L làm căn cứ khởi kiện là: bản photo Giấy giao hụi của hai dây hụi ngày 25/02/2022 (âm lịch), bà L cho rằng trang giấy có nội dung liệt kê hụi sống, hụi chết, số tiền được hốt, tiền thảo, tổng cộng tiền giao là do bà L tự viết, Đối với nội dung: "Tôi tên Đặng Thị Cẩm H Hôm nay ngày 30/3/2022 tôi có hội (hốt) hai phần hội 3 triệu tất cả 24 phần tổng cộng 96060" là do bà H viết và có ký tên ghi rõ họ tên. Đối với giấy hụi ngày 25/2/2022 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng có phần liệt kê số phần hụi, tiền hụi chết, hụi sống, tiền thảo và số

tiền giao bà H là do bà L viết; phần nội dung "chị nợ hội liểu hai tháng số tiền là 25.200 ngàn là do bà H viết. Do trước đây bà L đã khởi kiện bà H và ông T rồi nên bản chính giấy hụi trên đã giao nộp nên hiện nay không còn. Ngoài ra, bà L cung cấp đoạn ghi âm cuộc đối thoại giữa bà Nguyễn Thị L và bà Đặng Thị Cẩm H vào lúc 15 giờ 52 phút, ngày 15/6/2023 có nội dung bà H thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà L và có nợ hụi chết của bà L.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà L và bà H có thỏa thuận tham gia chơi hụi, theo đó thì bà L là chủ hụi còn bà H là hụi viên, hụi có lãi và chủ hụi được hưởng hoa hồng từ thành viên lãnh hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi thì bà H đã hốt hụi của hai dây hụi mà bà đã tham gia với bà L nhưng bà H không thực hiện việc góp hụi chết đầy đủ cho bà L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi theo thỏa thuận giữa hai bên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Tuy nội dung đoạn ghi âm không xác định được số tiền cụ thể bà H còn nợ bà L, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. Bà H không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà L đưa ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Cẩm H số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng tính đến tháng 07/2023.

Như vậy theo nội dung bản án nêu trên đã giải quyết số tiền hụi bà H, ông T phải trả đến tháng 7/2023 âm lịch. Vì vậy, dây hụi 3.000.000 đồng bà H và ông T còn phải đóng hụi chết cho bà L từ tháng 8/2023 đến khi mãn hụi tháng 12/2023 là 05 tháng x 3.000.000 đồng/tháng x 03 phần = 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng bà H và ông T còn phải đóng hụi chết cho bà L từ tháng 8/2023 đến khi mãn hụi tháng 01/2024 là 06 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Tổng số tiền hụi chết phải đóng của cả hai dây hụi à 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

Bà L xác định bà H, ông T đã trả cho bà L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Hiện tại bà H, ông T còn nợ bà L số tiền 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng.

Theo Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, pH thì thành viên trong hụi (họ) có nghĩa vụ *"tiếp tục góp các phần hụi để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hụi trong trường hợp đã lĩnh hụi trước thành viên khác"*. Đồng thời, theo Điều 17 thì chủ hụi (họ) có quyền "*yêu cầu thành viên không góp phần hụi của mình phải trả phần hụi trong trường hợp chủ hụi đã góp thay cho thành viên đó*". Bà L cho rằng từ khi bà H không thực hiện việc góp hụi cho bà L sau khi lãnh hụi thì bà L đã góp thay phần hụi của bà H để giao cho các thành viên khác khi họ lãnh hụi. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ hụi tính đến thời điểm Tòa án xét xử là 37.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới:

Bà L yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả cho bà L số tiền nợ hụi nêu trên. Bà L cho rằng mặc dù ông T không trực tiếp tham gia chơi hụi

cùng với bà H nhưng ông T biết việc bà H tham gia chơi hụi với bà và việc bà H chơi hụi nhằm để tiết kiệm tiền để phát triển kinh tế gia đình và sửa chữa nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Qua xác minh đối với chính quyền địa phương thì xác định: sau khi kết hôn thì bà H, ông T cùng chung sống tại địa phương, kinh tế gia đình là do hai vợ chồng cùng chăm lo. Như vậy, thời điểm bà H tham gia chơi hụi thì bà H, ông T cùng chung sống, cùng lo kinh tế gia đình. Theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định "1. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30…*". Khoản 1, điều 30 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*." Do đó, cần buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả khoản nợ vay trên cho bà L.

Từ những phân tích nêu trên cần buộc bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 37.000.000 đồng.

[2.3]. Về lãi suất:

Bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi như trên, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà H, ông T phải liên đới chịu án phí là 1.850.000 đồng (37.000.000 đồng x 5% = 1.850.000 đồng).

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, pH; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T về việc "Tranh chấp hụi". Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới nộp là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 (chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004802 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan